TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHỤNG HIỆP** **TỈNH HẬU GIANG** Bản án số:184/2018/HNGĐ-ST Ngày: 29 - 5 - 2018 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHỤNG HIỆP-TỈNH HẬU GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Thanh Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Tuấn;
2. Ông Phan Công Điện.

***-Thư ký phiên tòa*:** ông Nguyễn Minh An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 4 năm 2018 về việc *"Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2018/QĐXX-ST, ngày 03 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: **Huỳnh Hà Thu A,** sinh năm 1993.

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã N, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

2.Bị đơn: **Trần Hữu T,** sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Hà Thu A (sau đây gọi chị A) trình bày: giữa chị và bị đơn Trần Hữu T (sau đây gọi anh T) qua tìm hiểu nhau và tự nguyện quyết định đi đến hôn nhân vào năm 2014, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 11 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh Tcó thói quen cờ bạc. Đồng thời còn có tình cảm với người phụ nữ khác, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau nên sống ly

thân từ đó đến nay. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về hôn nhân: xin ly hôn với anh T.

-Về con chung: có một con chung tên Trần Tấn H (nam), sinh ngày 05.3.2016. Hiện tại cháu H đang sống với anh T, nay ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

-Về nợ và tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng anh T có lời trình bày: thừa nhận lời trình bày của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung và thời gian ly thân là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn anh cho rằng chị A hay ghen nên dẫn đến vợ chồng cải nhau, chị A có tình cảm với người đàn ông khác nên anh mới có có bạn gái. Do còn thương vợ con nên anh chưa đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa anh T xác định: nếu chị A cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý nhưng anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị A cấp dưỡng. Về nợ và tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn và tranh chấp về quyền nuôi con được qui định tại khoản 1, Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: chị A và anh T qua sự giới thiệu của người thân, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu vào ngày 12 tháng 5 năm 2014, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử xét thấy: trong thời gian chung sống giữa chị và anh T có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau nhưng không có biện pháp khắc phục và đã sống ly thân từ tháng 11 năm 2017 đến nay. Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tạo điều kiện để anh, chị được đoàn tụu, anh T chưa đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp nào để đoàn tụu. Tại phiên tòa hôm nay, chị A xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T và cương quyết xin ly hôn, anh T cũng đồng ý ly hôn; căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân gia đình ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa các đương sự.

[4] Về con chung: có một người con chung, anh chị có tranh chấp về quyền nuôi con. Xét mức thu nhập của từng người: chị A có chứng cứ chứng minh thu nhập ổn định 9.000.000đ/tháng; anh T là lao động có nghề nghiệp nhưng công việc làm lệ thuộc vào gia đình cha mẹ, xét cả anh, chị đều có điều kiện nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo tốt nhất cho sự phát triển của cháu H cả về thể chất lẫn tinh thần. Đồng thời cháu Trần Tấn H, sinh ngày 05.3.2016 chưa được 36 tháng tuổi, về nguyên tắc con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Căn cứ theo quy định tại khoản 3, Điều 81 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở giao cháu H cho chị A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị A chưa yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T mà không ai có quyền cản trở.

[6] Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét.

[7] Về án phí: chị A phải nộp theo quy định pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Các Điều 51, 53, 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: chị Huỳnh Hà Thu A và anh Trần Hữu T thuận tình ly hôn.

2.Về nuôi con chung: giao cháu Trần Tấn H (nam), sinh ngày 05 tháng 3 năm 2016 cho chị Huỳnh Hà Thu A được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc khi chị A, anh T có yêu cầu khác. Anh Trần Hữu T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T mà không ai có quyền cản trở.

3.Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu, không xem xét

4.Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Huỳnh Hà Thu A phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ từ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0013296, ngày 11.4.2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang thành án phí, không ai phải nộp thêm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HG;
- VKSND huyện PH;
- THA huyện PH;
- UBND xã Lộc Ninh, h.Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Thanh Liêm